

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-6-2019

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Ngọc

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Quang Hoạch

2. Ông Doãn Đức Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2019/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 06/6/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp HL, xã H T, huyện T B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp HL, xã H T, huyện T B, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Hương, anh Trung vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 19/9/2003. Quá trình chung sống của vợ chồng anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu tính nhau, về lối sống, quan điểm sống không phù hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Chị đã vì con cố

gắn hòa giải nhưng không được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- **Về con chung:** Có 01 con chung là Nguyễn Quốc A, sinh ngày 12/7/2004. Ly hôn chị xin giao con cho anh T nuôi và tạm thời chị không cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về Nợ chung:** Chị H cam kết vợ chồng chị không có nợ chung.

- **Về án phí:** Chị H xin tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh T, kết quả xác minh thể hiện quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh T không hạnh phúc và chị H đã chuyển ra ngoài sinh sống từ năm 2014 đến nay. Vợ chồng anh T chị H có 01 con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 12/7/2004 thì hiện nay anh Tr đang nuôi. Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh T nhưng anh T không gửi cho Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị H và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ. Tòa án đã nhiều lần tổng đạt Thông báo, giấy triệu tập anh T đến Tòa án để lấy lời khai đối chất; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, giao con chung của anh chị là Nguyễn Quốc A, sinh ngày 12/7/2004 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H khai tài sản chung, nợ chung không có và anh T cũng không có ý kiến nên Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Anh T đã được Văn phòng Thừa Phát lại tổng đạt “Thông báo thụ lý vụ án”, “Giấy triệu tập”, “Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải”, “Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải”, “Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ” nhưng anh T vẫn không đến Tòa án làm việc. Do anh T đã được thông báo nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên họp nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải được. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa do vắng mặt anh T cũng đã được tiến hành tổng đạt theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần

nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Quan hệ giữa chị H và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì anh chị lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, do mâu thuẫn phát sinh, nên chị H và T đã sống ly thân, chị H đã dọn ra ngoài để sinh sống. Hiện chị H không còn tình cảm thương yêu anh T nữa. Tòa án đã nhiều lần mời anh T đến Tòa để hòa giải nhưng anh T không đến thể hiện việc anh không có thiện chí đoàn tụ. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị H xin giao con Nguyễn Quốc A, sinh ngày 12/7/2004 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và tạm thời không cấp dưỡng nuôi con. Anh T đã được Tòa án thông báo và triệu tập nhiều lần nhưng anh T vẫn không đến Tòa làm việc và cũng không có ý kiến về vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nên Tòa án căn cứ chứng cứ kết quả xác minh tại địa phương để xem xét về điều kiện nuôi con của các bên. Xét về điều kiện nuôi con thì thấy từ năm 2014 đến nay cháu Anh do anh T trực tiếp nuôi dưỡng có nơi cư trú ổn định nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị H giao con Nguyễn Quốc A, sinh ngày 12/7/2004 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về nợ chung và tài sản chung: Chị Hcam kết chị và anh T không có nợ chung và tài sản chung. Anh T đã được Tòa án thông báo về các ý kiến, yêu cầu này của chị H nhưng cũng không có ý kiến gì. Do vậy Tòa án không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của chị H và anh T trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị H. Chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Quốc A, sinh ngày 12/7/2004 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị Bùi Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của chị Bùi Thị H. Vì lợi ích của con, khi điều kiện thay đổi, đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp theo biên lai thu số: 001475, ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, người có mặt tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Hưng Thịnh (GCNĐKKH số 42, quyền số 01/2011 ngày 19/9/2003);
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Hồng Ngọc